

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 05-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Phúc
2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3254/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Hữu Đường. Nơi cư trú số: 80/3, ấp NB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị L; có vợ: Trần Thị Bích K và 02 người con cùng sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 24 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Phạm Văn Đ, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Đ Em. Nơi cư trú số: 29/2, ấp NB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị B; có vợ: Phan Thị Thúy A và 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 23 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Nguyễn Văn V, sinh năm 1982 tại tỉnh Trà Vinh. Tên gọi khác: V Bò. Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã H M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: ấp HA, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: Đạo Phật; con ông Nguyễn Văn E (chết) và bà Võ Thị M; có vợ Nguyễn Thị Mỹ Đ và 02 người con sinh năm 2013, 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 17 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Võ Văn M, sinh năm 1970 tại tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: M Tul. Nơi cư trú số: 41/3, ấp AT, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Văn N (chết) và bà Trần Thị L; có vợ Phan Thị Thu H (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 21 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Trương Văn L, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: 112/2 ấp NB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị P; có vợ: Phạm Thị D và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 22 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Nguyễn Trường D, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: 50/4, ấp AT, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm hồ; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị P; có vợ: Nguyễn Ngọc D 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 26 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Lê Minh H, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Nài. Nơi cư trú số: 10/1 ấp N B, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông không rõ lai lịch và bà Lê Thị H; có vợ: Huỳnh Thị L và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 25 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa

Nguyễn Thành N, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: 16/1 ấp HB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị P; có vợ: Trần Thị Cẩm T và 02 người con cùng sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống chung với gia đình, học đến lớp 12 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo Bản án số: 73/2010/HSPT ngày 07/7/2010, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 07/7/2011 và các quyết

định khác nên đương nhiên được xóa án tích. Sau đó, lập gia đình và sinh sống tại ấp HB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 20 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Phạm Văn T, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre. Đăng ký thường trú: số 55/4, ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: số 24/2, ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn M và bà Tô Thị M; có vợ: Trần Mỹ N và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 18 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Huỳnh Văn P, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: 9/5, ấp AT, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn O (chết) và bà Lê Thị K; có vợ: Bùi Thị Phúc T và 02 người con sinh năm 2008, 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 19 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Phạm Văn Đ, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Đ Anh. Nơi cư trú số: 29/2 ấp NB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 31 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 tại tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Hào. Nơi cư trú số: 83/2 ấp AK, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trần Thị A; có vợ: Nguyễn Thị P và ba người con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 32 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Phạm Minh T, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: 105/2 ấp NA, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; con ông Phạm Văn N và bà Huỳnh Thị N; có vợ: Nguyễn Thị D và hai người con sinh năm 2008, 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 35 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; ĐKTT: 82/2 ấp AK, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Nguyễn Văn Bảo E, sinh năm 1985; ĐKTT: 12/4 ấp An Hội A, xã An Thuận, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Trần Văn M, sinh năm 1988; ĐKTT: 44/3 ấp An Khương, xã An Thuận, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Lê Văn D, sinh năm 1980; ĐKTT: 63/8 ấp An Phú, xã An Qui, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Lê Thị Kim S, sinh năm 1942; ĐKTT: 8/1 ấp An Ngãi B, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/12/2016, Nguyễn Văn V (cư trú ấp HA, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre) gọi điện thoại nhờ Lê Văn D (tên gọi khác Quốc Trì; cư trú ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre) tìm dùm người có gà đá trọng lượng 2,2kg để cấp độ đá gà ăn thua với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Nghe vậy, D điện thoại cho Nguyễn Hữu T (cư trú ấp AT, xã A, huyện P) cấp độ đá gà theo yêu cầu của V thì được T đồng ý và hẹn gặp tại sân “gốc me” nhà bà Lê Thị Kim S (còn gọi là Bà Chín), ở ấp NB, xã A, huyện P. Sau đó, D điện thoại nói lại cho V biết và kêu V đến địa điểm đã hẹn. V liền bắt gà đem bỏ vô giỏ đệm và rủ Nguyễn Văn H (tên gọi khác Hào), Nguyễn Văn D (cùng cư trú ấp AK, xã AT, huyện P) và gọi điện thoại cho Phạm Văn T (cư trú ấp TL, xã BT, huyện P) đem cựa sắt đến để cùng đi. Khi V điều khiển xe mô tô chở H mang theo giỏ đệm đựng gà vừa đến ngã ba Giồng Trâm, thuộc xã A, huyện P thì Nguyễn Thành N (cư trú ấp An Hội B, xã An Thuận, huyện P) nhìn thấy nên N rủ Phạm Văn Đ (tên gọi khác Đ Anh; cư trú ấp NB, xã A, huyện P) đi theo để tham gia đặt cược. Riêng Nguyễn Hữu T, sau khi nghe điện thoại của D và đồng ý cấp độ đá gà, T kêu Trương Văn L (cư trú ấp NB, xã A, huyện P) về nhà bắt gà rồi rủ Lê Minh H (tên gọi khác Nài), Phạm Văn Đ (tên gọi khác Đ Em, cùng cư trú ấp NB, xã A, huyện P), Phạm Minh T (cư trú ấp NA, xã A, huyện P) và điện thoại rủ thêm Huỳnh Văn P (cư trú ấp A, xã A, huyện P) cùng đem gà đến sân nhà bà S như đã hẹn. Trên đường đi thì Nguyễn Trường D (cư trú ấp An Ngãi B, xã A, huyện P) và Võ Văn M (cư trú ấp AT, xã A, huyện P) nhìn thấy nên đi theo để tham gia đặt cược.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, tất cả gặp nhau tại sân nhà bà Sa thì lúc này còn có Nguyễn Văn Bảo E (cư trú ấp HA, xã AT, huyện P), Trần Văn M (tên gọi khác Đen; cư trú ấp AK, xã AT, huyện P) và một số người khác đến xem và tham gia đặt cược. Sau khi cân cả hai con gà của L và V đều có trọng lượng là 2,2kg, hai bên thống nhất đá đồng trong sỏ với số tiền thắng thua là 1.000.000đ (một triệu đồng) và ngoài sỏ 1.000.000đ (một triệu đồng). Phía gà của L thì do D ôm gà cho M trông cựa

sắt và M là người thả gà đá; phía gà của V do H (Hào) ôm gà cho T trông cựa sắt và T là người thả gà đá. Sau khi trông cựa xong, phía gà của V kêu đá đồng thêm 3.000.000đ (ba triệu đồng) ngoài sổ. Tổng số tiền đặt cược thắng thua là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Đặt cược bên gà của V gồm: H (Hào) cược 2.000.000đ (hai triệu đồng), T cược 1.000.000đ (một triệu đồng), Bảo E cược 1.000.000đ (một triệu đồng), D bắt 1.000.000đ (một triệu đồng) và chia lại cho M 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Đặt cược bên gà của L gồm: L cược 1.000.000đ (một triệu đồng), Đ (Đ Em) cược 1.000.000đ (một triệu đồng), T cược 1.000.000đ (một triệu đồng), P cược 1.000.000đ (một triệu đồng) và T cược 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tiếp theo, phía bên gà của V, N đứng ra kêu cược chấp gà của L đá tỷ lệ mười ăn tám, kêu ba lần, mỗi lần 5.000.000đ (năm triệu đồng) với tổng số tiền thắng thua là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); phía bên gà của L thì M nói đồng ý bắt và giao lại cho T chia tiền cược cho các đối tượng khác. Đặt cược bên gà của V gồm: N cược 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và chia tiền cược lại cho Đ (Đ Anh) 3.000.000đ (ba triệu đồng), V cược 8.000.000đ (tám triệu đồng). Đặt cược bên gà của L gồm: T cược 5.000.000đ (năm triệu đồng), Phạm Văn Đ (Đ Em) cược 4.000.000đ (bốn triệu đồng), T cược 1.000.000đ (một triệu đồng), P cược 2.000.000đ (hai triệu đồng) và L cược 3.000.000đ (ba triệu đồng). Sau đó, V tiếp tục kêu cược chấp gà L đá tỷ lệ mười ăn bảy, với số tiền thắng thua là 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì T đồng ý bắt. Tổng số tiền T tham gia đặt cược là 11.000.000đ (mười một triệu đồng) nhưng T, D và H (Nài) đã thống nhất mỗi người hùn 1/3 (chia đều cho ba người) số tiền đặt cược. Sau khi thống nhất số tiền đặt cược, trước khi thả gà cho đá, M nói lớn cho mọi người cùng nghe tổng số tiền đặt cược như trên. Hai bên tiến hành thả 02 con gà ra cho đá, kết quả gà của L thắng nên những người đặt cược bên gà của L thắng, những người đặt cược bên gà của V thua. M trực tiếp đứng ra nhận tiền của những người thua cược phía bên gà của V, cụ thể: V gom tiền và giao cho M 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), N giao 2.000.000đ (hai triệu đồng), số tiền còn lại 5.000.000đ (năm triệu đồng) N hỏi mượn của M để chung đủ cho người thắng cược phía gà của L. Sau khi nhận tiền xong, M giao lại hết cho H (Nài), H chia lại cho những người thắng cược phía bên gà của L tương ứng với số tiền đã đặt cược, gồm: P 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng), T 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng); T, D và H (Nài) mỗi người được chia 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng), L 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và Đ (Đ Em) 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền thắng cược còn lại là 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), T lấy trả tiền công trông cựa, thả gà cho Võ Văn M là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); giao cho L 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) để mua thuốc trị thương cho gà; trả tiền mua bộ cựa cho Lê Minh H 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); T lấy 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) còn lại và lấy thêm 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) của mình đem cho bà Sa 100.000đ (một trăm ngàn đồng).

Sau khi kết thúc trận gà trên, đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thành N và Huỳnh Văn P liên hệ với Võ Văn M tiếp tục cấp độ đá trận gà khác. Khi N, P, Phạm Văn Đ (Đ Anh) và Trương Văn L đang trông cựa gà để đá nhưng hai bên chưa kịp thống nhất giá trị số tiền đặt cược thì bị lực lượng Công an huyện P phát hiện, lập biên bản bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm:

- 01 (một) con gà trống nòi, lông màu đỏ, nặng 2,1kg, trên thân gà có nhiều vết thương (do Trương Văn L giao nộp);
- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, mỗi cây dài 6,8cm, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 68 (do Lê Minh H giao nộp);
- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 62 (do Phạm Văn T giao nộp).

Ngày 26/12/2016, Công an xã A đã ra quyết định tiêu hủy con gà trống nòi là vật chứng đã thu giữ có đặc điểm như trên do đã chết, không có điều kiện bảo quản.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã giao nộp số tiền dùng đánh bạc là 27.750.000đ (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó: Võ Văn M giao nộp 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); Trương Văn L giao nộp 4.100.000đ (bốn triệu một trăm ngàn đồng); Lê Minh H giao nộp 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn đồng); Huỳnh Văn P giao nộp 5.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng); Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Nguyễn Hữu T giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Phạm Minh T giao nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng) và Nguyễn Trường D giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Số tiền dùng đánh bạc còn lại các bị cáo chưa giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 32/KSĐT-TA, ngày 09-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành N, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T về “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, 30, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian

thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em) từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Trường D từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Lê Minh H từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Anh) từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Võ Văn M từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 30, khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đề nghị áp dụng phạt tiền các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành N mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng; các bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em), Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Đối với bị cáo Võ Văn M do được xác nhận hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi mẹ già, có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/KSĐT-TA ngày 09/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú và biên lai thu tiền số 0003077 ngày 13/11/2017 như sau:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 27.350.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó: Võ Văn M giao nộp 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); Trương Văn L giao nộp 4.100.000đ (bốn triệu một trăm ngàn đồng); Lê Minh H giao nộp 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn đồng); Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Nguyễn Hữu T giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Phạm Minh T giao nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng) và Nguyễn Trường D giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Huỳnh Văn P giao nộp 2.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính và 2.600.000 đồng tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo P giao nộp thừa đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị buộc các bị cáo tiếp tục giao nộp số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước là: bị cáo Nguyễn Hữu T nộp 2.900.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trường D giao nộp 2.800.000 đồng, bị cáo Lê Minh H giao nộp 2.800.000 đồng, bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.200.000 đồng bị cáo Trương Văn L giao nộp 3.400.000 đồng, bị cáo Phạm Minh T giao nộp 1.800.000 đồng.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Hữu T tự nguyện giao nộp số tiền 250.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, mỗi cây dài 6,8cm, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 68 (do Lê Minh H giao nộp);

- 01 (một) bộ cửa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 62 (do Phạm Văn T giao nộp).

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành N, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Bảo E, Lê Văn D, tại tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Dũ, Trần Văn M, Lê Thị Kim S đều không có yêu cầu gì.

Các bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành N, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T thừa nhận hành vi là với động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên vào khoảng 08 giờ ngày 24/12/2016, tại sân nhà bà Lê Thị Kim S, ở ấp NB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành Nguyễn, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T đã tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà được thua bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc, tài sản của nhau. Trong đó: H, T, L, Đ (Đ Em), T, P và T tham gia đặt cược đá đồng với số tiền dùng đánh bạc là 10.000.000đ (mười triệu đồng); Nguyễn, Đ (Đ Anh), V, T, Đ (Đ Em), T, P và L tham gia đặt cược tỷ lệ mười ăn tám với số tiền dùng đánh bạc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng); V và T tham gia đặt cược tỷ lệ mười ăn bảy với số tiền dùng đánh bạc là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành N, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T

đã đủ yếu tố cấu thành “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp của nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành N, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây sự hoang mang, bất bình trong đời sống xã hội của nhân dân tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương và thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của các bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Tuy nhiên, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành N trong quá trình điều tra và tại tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn V có hai người bác có công với cách mạng được tặng Huy chương, bị cáo Huỳnh Văn P có cha tham gia cách mạng được tặng thưởng Huy chương nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[6] Trong trường hợp này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, cùng trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc nhưng do bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn V là người thể hiện vai trò tích cực hơn, bị cáo Nguyễn Thành N là người có nhân thân xấu và số tiền bị cáo tham gia đánh bạc lớn hơn các bị cáo khác nên mức hình phạt của ba bị cáo nghiêm khắc hơn các bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em), Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T; đối với bị cáo Võ Văn M có vai trò đồng phạm giúp sức, số tiền bị cáo hưởng lợi không lớn và đã giao nộp số tiền hưởng lợi nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T là người có nhân thân tốt, không

có tiền án, tiền sự; bị cáo Nguyễn Thành N tuy vào năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo Bản án số: 73/2010/HSPT ngày 07/7/2010 nhưng bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 07/7/2011 và các quyết định khác nên đương nhiên được xóa án tích. Vì vậy các bị cáo đều có đủ các điều kiện áp dụng Điều 60, 31 Bộ luật hình sự, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, nhưng để có thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành N, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Võ Văn M; đồng thời giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục các bị cáo trong suốt thời gian chấp hành thử thách và cải tạo.

[8] Ngoài ra, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với mỗi bị cáo, cụ thể như sau: 5.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành N; 3.000.000 đồng đối với bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em), Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T.

Đối với bị cáo Võ Văn M do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi mẹ già và có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[9] Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/KSĐT-TA ngày 09/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú và biên lai thu tiền số 0003077 ngày 13/11/2017 như sau:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 27.350.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó: Võ Văn M giao nộp 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); Trương Văn L giao nộp 4.100.000đ (bốn triệu một trăm ngàn đồng); Lê Minh H giao nộp 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn đồng); Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Nguyễn Hữu T giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Phạm Minh T giao nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng) và Nguyễn Trường D giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Huỳnh Văn P giao nộp 2.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính và 2.600.000 đồng tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Trao trả cho bị cáo Huỳnh Văn P số tiền 400.000 đồng bị cáo P giao nộp thừa.

Buộc các bị cáo tiếp tục giao nộp tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước là: bị cáo Nguyễn Hữu T nộp 2.900.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trường D giao nộp 2.800.000 đồng, bị cáo Lê Minh H giao nộp 2.800.000 đồng. Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.200.000 đồng; Trương Văn L giao nộp 3.400.000 đồng, Phạm Minh T giao nộp 1.800.000 đồng.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Hữu T tự nguyện giao nộp số tiền 250.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, mỗi cây dài 6,8cm, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 68 (do Lê Minh H giao nộp);

- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 62 (do Phạm Văn T giao nộp).

[10] Đối với Nguyễn Văn Bảo E, Phạm Văn D và Trần Văn M có hành vi tham gia đặt cược như trên. Tuy nhiên, qua điều tra có căn cứ xác định khi tham gia đánh bạc thì các đối tượng không biết cụ thể tổng số tiền dùng đánh bạc là bao nhiêu và số tiền của mỗi đối tượng tham gia đều chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Lê Văn D có hành vi điện thoại cấp độ đá gà cho các bị can tham gia đánh bạc nhưng D không có mục đích hưởng lợi; các bị can thực hiện đá gà ăn thua bằng tiền trên sân nhà của bà Lê Thị Kim S và cho bà Sa số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng), nhưng do các bị can tự ý tổ chức đá gà, đồng thời bà Sa không có hứa hẹn trước nên không xem xét xử lý đối với Lê Văn D và bà Lê Thị Kim S.

Võ Văn M, Nguyễn Thành N, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh) và Trương Văn L có hành vi cùng tham gia trận đá gà ăn thua bằng tiền và bị bắt quả tang như nêu trên, nhưng do chưa xác định được số tiền dùng đánh bạc nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú xử lý vi phạm hành chính các đối tượng có liên quan cùng với các vật chứng đã thu giữ khi bắt quả tang.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Nguyễn Thành N, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T phạm “Tội đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trương Văn L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Trường D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Lê Minh H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Anh) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Minh T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05-01-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Võ Văn M 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Đ (Đ Em), Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh) và Phạm Minh T cho Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre; giao các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre; giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã An Qui, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục các bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu các bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Võ Văn M cho Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian bị cáo chấp hành cải tạo.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: áp dụng Điều 30, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) phạt tiền các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành N mỗi bị cáo 5.000.000 đồng; các bị cáo Phạm Văn Đ (Đ Em), Trương Văn L, Nguyễn Trường D, Lê Minh H, Phạm Văn T, Huỳnh Văn P, Phạm Văn Đ (Đ Anh), Nguyễn Văn H và Phạm Minh T mỗi bị cáo 3.000.000 đồng.

Đối với bị cáo Võ Văn M do được xác nhận hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi mẹ già, có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/KSĐT-TA ngày 09/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú và biên lai thu tiền số 0003077 ngày 13/11/2017 như sau:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 27.350.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó: Võ Văn M giao nộp 500.000đ (năm trăm ngàn đồng); Trương Văn L giao nộp 4.100.000đ (bốn triệu một trăm ngàn đồng); Lê Minh H giao nộp 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn đồng); Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Nguyễn Hữu T giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Phạm Minh T giao nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng) và Nguyễn Trường D giao nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Huỳnh Văn P giao nộp 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính và 2.600.000 đồng tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Trao trả cho bị cáo Huỳnh Văn P số tiền 400.000 đồng bị cáo P giao nộp thừa.

Buộc các bị cáo tiếp tục giao nộp tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước là: bị cáo Nguyễn Hữu T nộp 2.900.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trường D giao nộp 2.800.000 đồng, bị cáo Lê Minh H giao nộp 2.800.000 đồng. Phạm Văn Đ (Đ Em) giao nộp 4.200.000 đồng; Trương Văn L giao nộp 3.400.000 đồng, Phạm Minh T giao nộp 1.800.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hữu T giao nộp số tiền 250.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, mỗi cây dài 6,8cm, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 68 (do Lê Minh H giao nộp);

- 01 (một) bộ cựa gà bằng kim loại, gồm 02 (hai) cây, có vỏ nhựa bọc ngoài ghi số 62 (do Phạm Văn T giao nộp).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh